

Chiến lược đầu tư

Chờ đợi tín hiệu giải ngân

Vượt ngưỡng 1,800 điểm

Thị trường ghi nhận diễn biến tích cực trong tháng 8, dù xu hướng có sự phân hóa rõ nét. Cụ thể, sau giai đoạn điều chỉnh do áp lực chốt lời trong nửa đầu tháng, thị trường dần lấy lại đà phục hồi nhờ lực cầu cải thiện, áp lực bán rong của khối ngoại hạ nhiệt và những thông tin tích cực từ kỳ rà soát FTSE Russell. Ngoài ra, đã tăng được dẫn dắt chủ yếu bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và vừa, đồng thời lan tỏa tương đối rộng giữa các nhóm ngành, trong đó Bất động sản, Nguyên vật liệu và Ngân hàng đóng vai trò nổi bật.

Fed có thể tăng lãi suất

Fed đã phát đi tín hiệu về khả năng tăng lãi suất. Tại cuộc họp tháng 7/2026, Fed giữ nguyên lãi suất mục tiêu ở mức 3.50%-3.75%, song có 3/12 thành viên bỏ phiếu ủng hộ tăng lãi suất, cho thấy mức độ bất đồng trong nội bộ FOMC. Dưới thời Chủ tịch mới Kevin Warsh, khả năng Fed thực hiện một đợt tăng lãi suất trong năm nay vẫn hiện hữu. Đối với Việt Nam, động thái này có thể làm gia tăng chênh lệch lãi suất VND-USD, gây áp lực lên tỷ giá và thu hẹp dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ của SBV.

Việt Nam chính thức được nâng hạng từ 9/2026

Việc nâng hạng Việt Nam lên thị trường Mới nổi Thứ cấp (Secondary Emerging Market) của FTSE sẽ chính thức có hiệu lực từ tháng 9/2026, qua đó đưa 27 cổ phiếu Việt Nam vào bộ chỉ số FTSE Global Equity Index Series (GEIS), ở các nhóm vốn hóa lớn, vừa và nhỏ. Chúng tôi ước tính dòng vốn từ các ETF có thể đạt khoảng 2.3 tỷ USD, trong đó FTSE Global All Cap ex US đóng góp lớn nhất với khoảng 1.27 tỷ USD. Quá trình đưa Việt Nam vào chỉ số sẽ được triển khai qua bốn đợt với tỷ lệ lần lượt 10%, 20%, 35% và 35%, hoàn tất tỷ trọng đầy đủ vào tháng 9/2027.

Giai đoạn đầu tư “khó khăn” nhất trong năm

Phân tích lợi suất vượt trội theo tháng trong giai đoạn 2001-2025 cho thấy tháng 9 và tháng 10 thường xuyên ghi nhận diễn biến yếu nhất trong năm. Trong khi đó, tháng 1 và tháng 2 là hai tháng tích cực nhất, với xác suất ghi nhận mức tăng mạnh khoảng 70%. Những tháng sắp tới có thể là giai đoạn khó khăn đối với thị trường, nhưng đồng thời có thể được xem là giai đoạn tích lũy trước khi bước vào nhịp hồi phục mang tính chu kỳ.

Mục lục

I. Vượt ngưỡng 1,800 điểm	1
1. Diễn biến phân hóa.....	1
2. Lực cầu lan tỏa trên diện rộng	1
3. Thanh khoản giảm nhẹ	2
4. Nhóm cá nhân trong nước duy trì chuỗi 8 tháng mua ròng liên tiếp.....	3
II. Áp lực trong ngắn hạn.....	3
1. Fed có thể tăng lãi suất.....	3
2. Việt Nam được nâng hạng từ 09/2026.....	5
3. Giai đoạn đầu tư “khó khăn” nhất trong năm	6

I. Vượt ngưỡng 1,800 điểm

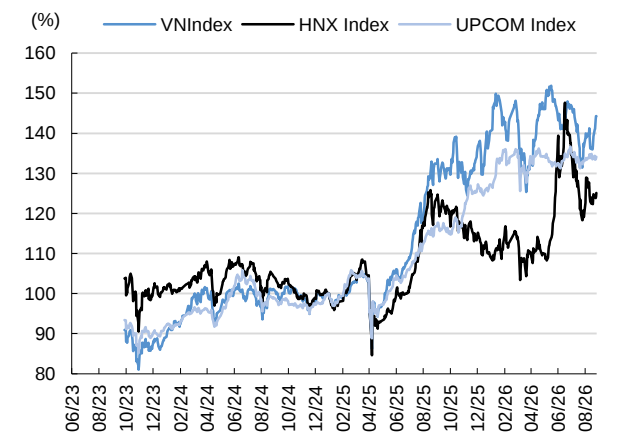
1. Diễn biến phân hóa

Thị trường lấy lại đà tăng trong nửa cuối tháng. Thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận diễn biến phân hóa giữa các giai đoạn trong tháng 8. Trong nửa đầu tháng, VNIndex chịu áp lực điều chỉnh khi hoạt động chốt lời gia tăng sau nhịp hồi phục trước đó, đặc biệt trong bối cảnh chỉ số tiến lên vùng giá cao. Tuy nhiên, động lực tích cực dần quay trở lại trong nửa cuối tháng nhờ áp lực bán rong của khối ngoại hạ nhiệt và tâm lý tích cực xoay quanh kỳ rà soát của FTSE Russell trước thời điểm Việt Nam chính thức được chính thức nâng hạng.

Nhóm vốn hóa lớn đóng vai trò dẫn dắt. Xét theo quy mô vốn hóa, đà tăng tập trung rõ hơn ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi VN30 tăng 5.9% trong tháng. Sự cải thiện của các cổ phiếu trụ không chỉ nâng đỡ chỉ số mà còn góp phần củng cố tâm lý thị trường trong giai đoạn phục hồi cuối tháng. Ngoài ra, dòng tiền đồng thời mở rộng sang nhóm vốn hóa vừa, giúp VNMID tăng 5.4%, chỉ thấp hơn nhẹ so với nhóm vốn hóa lớn. Trong khi đó, nhóm vốn hóa nhỏ có diễn biến tăng nhẹ với VNSML tăng 2.5%.

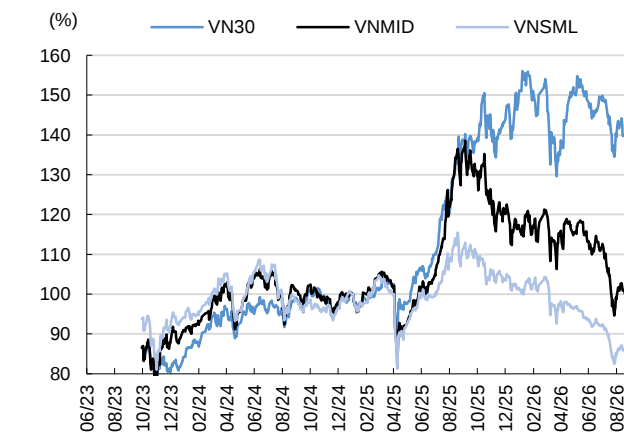
Nhìn chung, xu hướng thị trường cải thiện đáng kể trong tháng 8. Sau giai đoạn điều chỉnh và tâm lý thận trọng trong nửa đầu tháng, lực cầu dần quay trở lại và giúp thị trường thiết lập nhịp phục hồi rõ nét hơn về cuối tháng. Diễn biến này phản ánh tâm lý nhà đầu tư đã cải thiện, song dòng tiền vẫn tập trung vào những nhóm cổ phiếu có khả năng dẫn dắt và hưởng lợi rõ nét hơn từ các động lực của thị trường.

Hình 1. Tăng trưởng của các chỉ số chính tại Việt Nam



guồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: Bắt đầu từ 01/25 = 100

Hình 2. Tăng trưởng của nhóm chỉ số chính của HOSE



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: Bắt đầu từ 01/25 = 100

2. Lực cầu lan tỏa trên diện rộng

Sắc xanh chiếm ưu thế tại các nhóm ngành vốn hóa lớn. Trong tháng 8, xu hướng tích cực được ghi nhận ở phần lớn các nhóm ngành, mặc dù vẫn xuất hiện một số ngành vốn hóa nhỏ điều chỉnh. Xét riêng nhóm ngành vốn hóa lớn, Bất động sản ghi nhận mức tăng nổi bật nhất với 7.3%, qua đó trở thành một trong những động lực quan trọng hỗ trợ thị trường trong tháng. Theo sau là ngành Nguyên vật liệu với mức tăng 6.5% và ngành Ngân hàng tăng 5.7%. Diễn biến đồng thuận tại các nhóm ngành có tỷ trọng vốn hóa lớn cho thấy lực cầu đã quay trở lại tại các cổ phiếu chủ chốt, đồng thời góp phần củng cố nhịp phục hồi của các chỉ số chính trong nửa cuối tháng.

Dòng tiền tạo ra những điểm sáng đáng chú ý ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ. Trong nhóm ngành có quy mô vốn hóa vừa và nhỏ, ngành Tiêu dùng không thiết yếu dẫn đầu với mức tăng 17.0%, vượt đáng kể so với mặt bằng chung của thị trường. Theo sau là ngành Dịch vụ tiện ích và ngành Dược & Sinh học, với mức tăng lần lượt 13.6% và 12.3% trong tháng. Mức tăng hai chữ số tại một số nhóm ngành cho thấy dòng tiền không chỉ tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa lớn mà còn chủ động tìm kiếm cơ hội tại những nhóm có quy mô nhỏ hơn. Tuy nhiên, diễn biến giữa các ngành vẫn có sự khác biệt đáng kể khi một số nhóm vốn hóa nhỏ chưa bắt nhịp với xu hướng phục hồi chung.

Nhìn chung, đà tăng trong tháng 8 có sự lan tỏa tương đối rộng giữa các nhóm ngành. Các ngành vốn hóa lớn như Bất động sản, Nguyên vật liệu và Ngân hàng đóng vai trò tạo nền tảng cho xu hướng đi lên của thị trường, trong khi Tiêu dùng không thiết yếu, Dịch vụ tiện ích và Phần cứng & thiết bị trở thành những điểm sáng ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ.

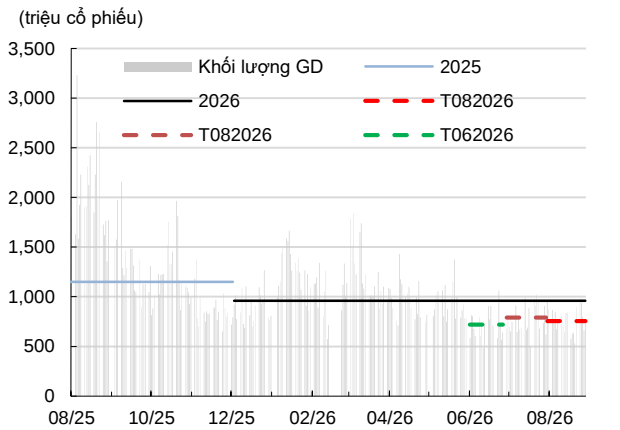
Bảng 1: Tỷ suất sinh lời của các chỉ số chủ đạo và các ngành

TT	Chỉ số. Ngành	Vốn hóa (Tỷ đồng)	% Vốn hóa (%)	Tỷ suất sinh lời theo tháng trong năm 2026							2026 YTD
				8	7	6	5	4	3	2	
a. Chỉ số											
1	VNINDEX	7341.1	85.8	5.6	(6.7)	(0.2)	0.5	10.7	(10.9)	2.8	2.4
2	HNX Index	376.7	4.4	5.0	(13.4)	6.2	17.7	(0.1)	(4.5)	2.6	15.4
3	UPCOM Index	837.6	9.8	0.7	(2.6)	3.8	(1.8)	0.8	(2.2)	0.2	5.7
4	VN30 Index	5119.4	59.8	5.9	(6.2)	(0.1)	(1.3)	10.6	(11.3)	1.6	(2.3)
b. Ngành											
1	Ngân hàng	2865.8	33.5	5.7	(7.8)	2.0	1.9	2.7	(9.2)	(1.6)	2.8
2	Khác	733.5	8.6	4.7	(2.7)	4.4	(0.3)	(0.9)	(0.4)	0.9	18.7
3	Bất động sản	1405.2	16.4	7.3	(3.7)	0.9	0.1	45.5	(14.4)	12.5	24.0
4	Nguyên vật liệu	548.7	6.4	6.5	(10.0)	(3.3)	(2.2)	1.7	(10.1)	5.5	1.3
5	Thực phẩm & Đồ uống	472.2	5.5	2.9	0.3	(1.8)	(2.1)	(0.4)	(4.4)	(5.1)	(8.7)
6	Dịch vụ Tiện ích	301.4	3.5	13.6	(7.7)	(4.9)	9.1	(3.2)	(18.0)	(2.7)	6.7
7	Công nghiệp sản xuất	424.8	5.0	4.9	(14.9)	4.4	48.5	(3.1)	0.4	2.5	38.8
8	Dịch vụ Tài chính	394.9	4.6	3.2	(9.2)	2.1	0.1	0.4	(9.6)	6.7	(2.0)
9	Vận tải	329.4	3.9	3.8	(7.0)	3.5	(3.9)	6.2	(10.8)	5.1	(5.4)
10	Năng lượng	194.5	2.3	6.8	(0.9)	(12.1)	15.9	(11.0)	(14.8)	23.2	37.6
11	Phần mềm & dịch vụ	188.0	2.2	8.6	(4.8)	(1.7)	(5.1)	0.8	(19.3)	(10.7)	(23.0)
12	Bán lẻ	151.6	1.8	8.5	(6.7)	1.8	(9.0)	1.1	(9.9)	0.9	(6.9)
13	Bảo hiểm	83.3	1.0	4.5	(5.7)	(4.2)	(1.6)	(9.5)	(0.6)	9.3	1.6
14	Tiêu dùng không thiết yếu	57.0	0.7	17.0	(27.5)	(3.1)	(0.1)	(4.5)	(9.4)	0.1	(19.5)
15	Dược & sinh học	46.8	0.5	1.5	(4.7)	(1.6)	(2.6)	(2.9)	(1.5)	0.5	(9.0)
16	Phần cứng & thiết bị	11.4	0.1	12.3	(7.7)	(1.1)	(5.8)	(3.2)	(9.5)	3.7	0.7
17	Dịch vụ thương mại	10.5	0.1	4.4	(4.0)	1.1	(1.0)	1.9	(8.5)	2.2	(4.0)
18	Ô tô & phụ tùng	8.1	0.1	(4.4)	(3.9)	(3.1)	(0.3)	(2.9)	0.3	0.9	(14.5)
19	Dịch vụ tiêu dùng	148.9	1.7	(2.4)	(11.3)	(4.0)	9.4	2.7	(0.3)	(9.5)	(22.0)
20	Hàng hóa cá nhân	4.3	0.0	0.6	(8.3)	(2.7)	(4.8)	(4.4)	(7.4)	(0.9)	(18.9)
21	Thiết bị & DV y tế	3.6	0.0	0.3	(4.8)	(9.0)	(8.0)	(2.2)	(14.2)	(3.9)	(32.1)
22	Truyền thông & giải trí	4.4	0.1	2.5	(17.2)	10.1	(0.3)	(4.1)	(14.9)	(0.1)	(24.3)
23	Dịch vụ viễn thông	2.7	0.0	(5.8)	(28.5)	(4.0)	(2.0)	(3.2)	(1.3)	5.3	(40.1)

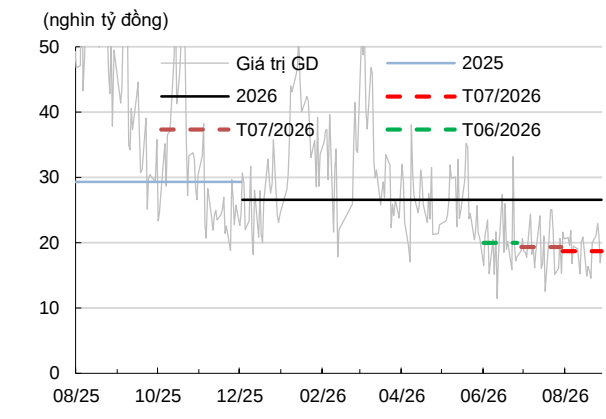
Nguồn: Bloomberg, KIS Research
Ghi chú: Phân loại theo GICS cấp 2: Nhóm ngành; và dữ liệu được tổng kê dựa trên tất cả các cổ phiếu được niêm yết trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM

3. Thanh khoản giảm nhẹ

Thanh khoản suy giảm. Trong tháng 8, hoạt động giao dịch trên thị trường có phần chững lại. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch bình quân đạt 756 triệu cổ phiếu/ 18,682 tỷ đồng, giảm tương ứng 4.2%/ 3.5% so với tháng trước. Mặc dù thanh khoản suy giảm, mức điều chỉnh tương đối hạn chế cho thấy dòng tiền vẫn duy trì sự hiện diện trên thị trường, đặc biệt trong bối cảnh các chỉ số chính phục hồi tích cực về nửa cuối tháng.

Hình 3. Khối lượng giao dịch trung bình năm 2026

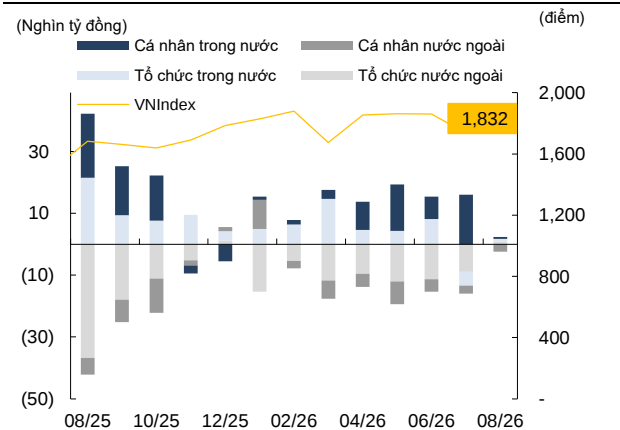
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Giá trị giao dịch trung bình năm 2026

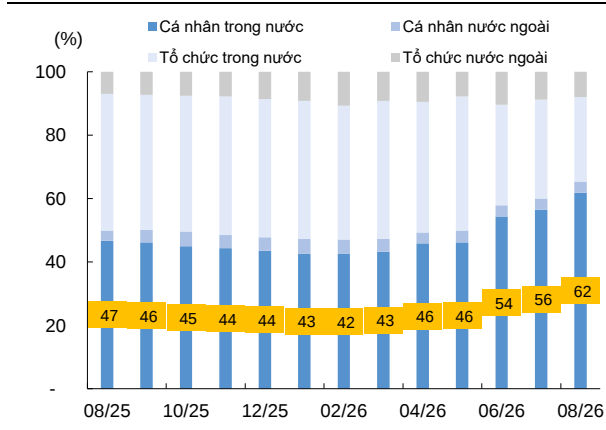
Nguồn: FiinproX, KIS Research

4. Nhóm cá nhân trong nước duy trì chuỗi 8 tháng mua ròng liên tiếp

Nhóm cá nhân và tổ chức trong nước đồng thuận mua ròng. Trong tháng 8, nhóm cá nhân ghi nhận chuỗi 8 tháng mua ròng liên tiếp, song lực mua đã hạ nhiệt đáng kể. Cụ thể, tổng giá trị mua ròng trong tháng đạt khoảng 682 tỷ đồng, giảm mạnh 95.7% so với tháng trước. Bên cạnh đó, nhóm tổ chức trong nước có xu hướng mua ròng trở lại, với tổng giá trị bơm ròng ghi nhận khoảng 961 tỷ đồng.

Hình 5. Giá trị ròng theo loại nhà đầu tư theo tháng

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 6. Tỷ trọng theo loại nhà đầu tư

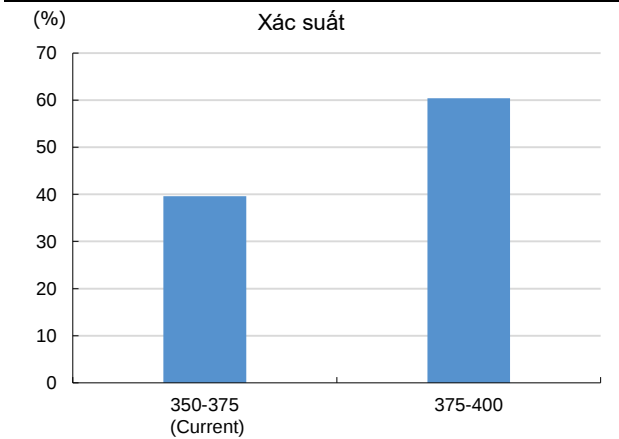
Nguồn: FiinproX, KIS Research

II. Áp lực trong ngắn hạn

1. Fed có thể tăng lãi suất

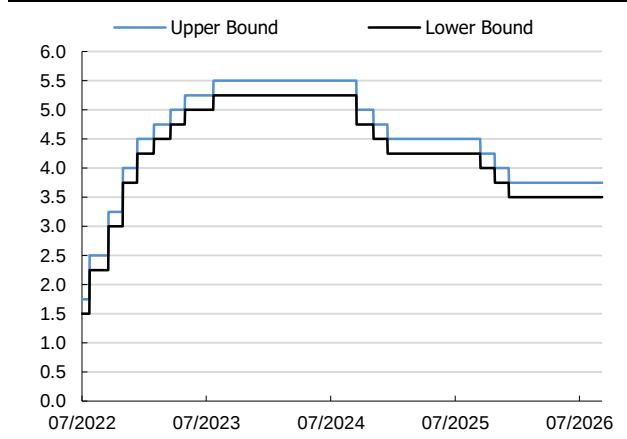
Fed phát đi tín hiệu nâng lãi suất. Lãi suất mục tiêu của Fed hiện ở mức 3.50%-3.75%, không thay đổi kể từ đầu năm 2026. Tại cuộc họp ngày 28-29/07/2026, FOMC vẫn giữ nguyên lãi suất nhưng có 3/12 lá phiếu ủng hộ tăng lãi suất. Tuyên bố sau cuộc họp đánh giá lạm phát vẫn ở mức cao và khẳng định các bước tiếp theo sẽ phụ thuộc vào dữ liệu công bố.

Hình 3. Xác suất các mức lãi suất mục tiêu tại cuộc họp Fed ngày 16/09/2026



Nguồn: CME, KIS Research

Hình 4. Lãi suất mục tiêu của Fed



Nguồn: Bloomberg, KIS Research

Ba lá phiếu phản đối đáng chú ý hơn bản thân quyết định. Ba phiếu phản đối trong một ủy ban vốn có truyền thống đồng thuận cho thấy mức độ bất đồng nội bộ đã lên cao. Trong lịch sử, những giai đoạn phân hóa quan điểm trong FOMC thường đi trước một thay đổi chính sách, dù không nhất thiết theo hướng mà nhóm thiểu số ủng hộ. Với nhà đầu tư, ý nghĩa thực tiễn là: xác suất kịch bản "giữ nguyên đến hết năm" thấp hơn mức mà thị trường đang đánh giá.

Bên cạnh đó, Chủ tịch mới của Fed ông Kevin Warsh có chủ trương xóa bỏ nguyên tắc định hướng chính sách trước (forward guidance). Nên các thay đổi trong chính sách của Fed sẽ tác động mạnh đến thị trường toàn cầu trong giai đoạn tới.

Bảng 2: Kịch bản lãi suất trong phần còn lại của năm 2026

Kỳ họp	Đánh giá	Ghi chú
16/09/2026	Xác suất tăng thấp; nhiều khả năng giữ nguyên	Thị trường đã định giá phần lớn kịch bản này
Các kỳ họp còn lại của 2026	Khả năng có thêm một lần tăng vẫn hiện hữu	Đây là rủi ro chưa được phản ánh đầy đủ

Nguồn: FTSE Russell, Bloomberg, KIS Research

Cơ chế truyền dẫn. Chúng tôi cho rằng Fed sẽ có 1 đợt tăng lãi suất trong 3 cuộc họp còn lại trong năm 2026. Quyết định này sẽ có tác động đến Việt Nam thông qua các kênh truyền dẫn bên dưới.

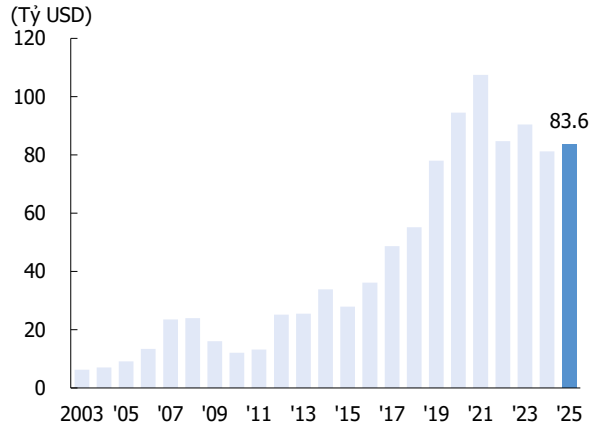
Tỷ giá tăng: Khi Fed nâng lãi suất hoặc duy trì mặt bằng lãi suất cao kéo dài, chênh lệch lãi suất VND-USD nới rộng khiến việc nắm giữ tài sản định danh bằng VND kém hấp dẫn hơn, từ đó tạo áp lực rút vốn. Khả năng hấp thụ cú sốc này phụ thuộc trực tiếp vào quy mô dự trữ ngoại hối - biến số quyết định dư địa can thiệp của Ngân hàng Nhà nước. Nhưng tỷ giá sẽ biến động theo hướng tăng để phản ánh các quyết định chính sách từ Fed.

Dư địa chính sách trong nước thu hẹp: Lạm phát tăng đang tạo áp lực lên các chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Việc kiểm soát lạm phát đang trở thành ưu tiên trong chính sách ở các tháng còn lại của năm 2026. Nếu Fed tăng lãi suất sẽ tạo áp lực lên tỷ giá và làm thu hẹp đáng kể dư địa nói lỏng chính sách tiền tệ của SBV trong thời gian tới. Điều này hàm ý mặt bằng lãi suất có thể duy trì ở mức hiện tại hoặc có thể tăng. Đáng chú ý, mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026 ở mức 15% thấp hơn mức thực tế gần 20% của năm 2025.

Mặt bằng định giá: Lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ tăng kéo chi phí vốn toàn cầu tăng theo, làm tỷ suất chiết khấu áp dụng cho dòng tiền tương lai đi lên, và

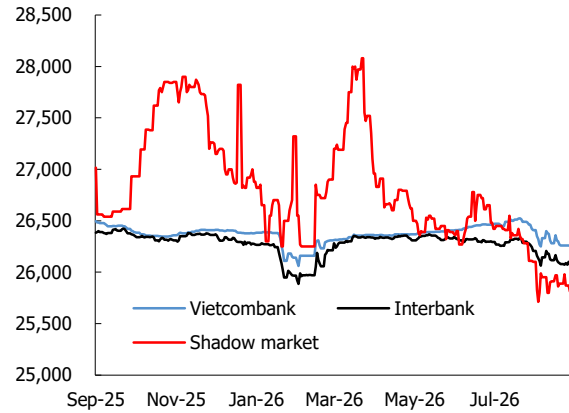
hệ quả là định giá trên các thị trường sẽ giảm bao gồm định giá của thị trường Việt Nam.

Hình 5. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam



Nguồn: IMF, Bloomberg, KIS Research

Hình 6. Tỷ giá USD/VND theo thị trường



Nguồn: SBV, Bloomberg, KIS Research

2. Việt Nam được nâng hạng từ 09/2026

Khoảng 2.3 tỷ USD sẽ được các quỹ ETF giải ngân. Sau khi Việt Nam chính thức được đưa vào nhóm Thị trường Mới nổi Thứ cấp (Secondary Emerging Market), có 27 cổ phiếu Việt Nam sẽ được bổ sung vào Bộ chỉ số cổ phiếu toàn cầu FTSE (FTSE Global Equity Index Series – GEIS) theo 3 nhóm: vốn hóa lớn, vốn hóa vừa và vốn hóa nhỏ.

Dựa trên AUM của các quỹ ETF tham chiếu theo các chỉ số của GEIS, chúng tôi ước tính tổng dòng vốn có thể chảy vào thị trường Việt Nam từ các quỹ này đạt khoảng 2.30 tỷ USD. Trong đó, FTSE Global All Cap ex US được kỳ vọng đóng góp lớn nhất với khoảng 1.27 tỷ USD, tiếp theo là FTSE Emerging Markets All Cap China A với khoảng 829 triệu USD. Các chỉ số còn lại được ước tính đóng góp tổng cộng khoảng 205 triệu USD.

Bảng 3: Ước tính dòng vốn vào Việt Nam sau khi nâng hạng lên Thị trường Mới nổi Thứ Cấp (FTSE Secondary Emerging)

Chỉ số tham chiếu	AUM (triệu USD)	Tỷ trọng	Dòng vốn dự kiến (triệu USD)
FTSE Global All Cap	100,911	0.05%	49.45
FTSE Global All Cap ex US	988,815	0.13%	1,271.70
FTSE All-World	84,579	0.03%	26.30
FTSE All-World ex US	85,936	0.08%	69.60
FTSE Emerging Markets All Cap China A	170,054	0.49%	829.87
FTSE Emerging	19,383	0.31%	59.88
Tổng	1,449,680		2,306.80

Nguồn: FTSE Russell, Bloomberg, KIS Research

Dòng vốn ETF được phân bổ qua bốn đợt. FTSE Russell sẽ đưa cổ phiếu Việt Nam vào các chỉ số theo bốn đợt, với tỷ lệ lần lượt là 10% vào tháng 9/2026, 20% vào tháng 3/2027 và 35% cho mỗi đợt vào tháng 6 và tháng 9/2027, qua đó hoàn tất việc đưa Việt Nam vào chỉ số với đầy đủ tỷ trọng vào tháng 9/2027. Dựa trên tổng dòng vốn tiềm năng ước tính, dòng vốn tương ứng trong bốn đợt dự kiến đạt khoảng 230 triệu USD, 461 triệu USD, 807 triệu USD và 807 triệu USD.

Bảng 4: Ước tính dòng vốn theo lộ trình nâng tỷ trọng của Việt Nam

Đợt	Kỳ rà soát	Ngày hiệu lực	Tỷ trọng bổ sung	Tỷ trọng lũy kế	Dòng vốn ước tính (triệu USD)
1	09/2026	21/09/2026	10.00%	10.00%	230.68
2	03/2027	22/03/2027	20.00%	30.00%	461.36
3	06/2027	21/06/2027	35.00%	65.00%	807.38
4	09/2027	20/09/2027	35.00%	100.00%	807.38
Tổng			100.00%	100.00%	2,306.80

Nguồn: FTSE Russell, Bloomberg, KIS Research

3. Giai đoạn đầu tư “khó khăn” nhất trong năm

Chúng tôi đã phân tích tỷ suất sinh lợi vượt trội của từng tháng bằng cách tính chênh lệch giữa tỷ suất sinh lợi hàng tháng và tỷ suất sinh lợi trung bình năm. Bảng dưới đây trình bày số liệu thống kê về các mức sinh lợi bất thường này qua ba giai đoạn khác biệt: 2001-2025, 2011-2025 và 2015-2025. Dựa trên phân tích này, chúng tôi nhận thấy:

Bảng 5. Phân tích thống kê lợi suất bất thường theo từng tháng trong năm của HOSE

Phân A												Lợi suất hàng năm	
Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2000								113.4	104.8	116.7	119.8	122.6	
2001	17.8	1.6	5.6	18.1	24.8	22.7	(16.6)	(35.4)	(13.0)	5.4	9.8	(19.5)	1.08
2002	(9.8)	(5.9)	6.8	6.2	1.4	(0.4)	(0.2)	(0.9)	(2.9)	(0.4)	2.2	5.1	(2.06)
2003	(5.2)	(3.7)	(10.9)	5.7	0.6	0.8	(3.1)	(1.7)	(1.6)	(1.5)	21.1	2.7	(0.78)
2004	25.3	18.5	3.4	(7.7)	(7.8)	(4.0)	(7.6)	(5.6)	(2.7)	(3.3)	(4.3)	1.2	3.05
2005	(4.6)	(1.3)	2.7	(2.2)	(2.9)	(1.1)	(2.6)	1.5	11.6	4.1	(0.8)	(3.3)	2.11
2006	(6.2)	17.3	21.2	10.5	(17.2)	(12.1)	(25.8)	8.5	(0.5)	(10.6)	16.0	11.0	7.73
2007	36.8	7.5	(7.6)	(15.5)	15.3	(7.0)	(13.2)	(1.7)	13.5	(0.0)	(10.5)	(6.4)	1.76
2008	(0.4)	(12.8)	(13.5)	9.7	(12.1)	5.0	21.6	29.9	(8.0)	(15.4)	(0.7)	8.9	(8.59)
2009	(7.7)	(22.8)	10.4	10.8	24.2	5.1	0.3	13.3	2.4	(2.8)	(18.0)	(5.7)	3.82
2010	(2.4)	3.3	0.6	8.8	(6.3)	0.1	(2.4)	(7.7)	0.0	(0.2)	(0.0)	7.5	(0.17)
2011	8.0	(7.0)	2.6	6.8	(9.6)	5.3	(3.6)	7.5	3.2	1.1	(6.9)	(5.0)	(2.64)
2012	9.0	7.8	2.7	6.1	(10.8)	(3.0)	(3.2)	(5.8)	(2.2)	(2.4)	(4.1)	8.1	1.37
2013	14.3	(2.8)	1.8	(5.0)	7.6	(8.9)	0.6	(5.6)	2.5	(0.7)	0.4	(2.3)	1.67
2014	9.6	4.7	0.2	(2.9)	(3.4)	2.2	2.5	6.2	(6.6)	(0.3)	(6.4)	(4.4)	0.65
2015	5.1	2.4	(7.5)	1.5	0.8	3.6	4.2	(9.6)	(0.9)	7.5	(6.1)	0.5	0.50
2016	(7.0)	1.4	(0.8)	5.5	2.2	1.1	2.0	2.3	0.5	(2.6)	(2.7)	(1.2)	1.16
2017	1.6	(1.4)	(1.7)	(4.0)	(0.5)	1.9	(2.4)	(3.4)	(0.6)	0.8	10.1	0.3	3.32
2018	13.6	2.1	5.2	(9.8)	(6.7)	(0.3)	0.4	4.3	3.6	(9.3)	2.1	(2.9)	(0.81)
2019	1.4	5.4	1.0	(0.7)	(2.6)	(1.7)	3.8	(1.4)	0.7	(0.4)	(3.4)	(1.6)	0.62
2020	(3.7)	(7.0)	(26.1)	14.9	11.2	(5.7)	(4.4)	9.3	1.5	1.1	7.2	8.9	1.16
2021	(6.9)	8.0	(0.6)	1.4	4.6	3.5	(9.6)	(0.9)	(1.8)	5.0	(0.2)	(1.2)	2.58
2022	2.0	4.0	3.4	(5.1)	(2.2)	(4.1)	4.0	9.4	(8.3)	(5.9)	5.2	(0.7)	(3.26)
2023	9.4	(8.7)	2.9	(2.4)	1.5	3.2	8.2	(0.9)	(6.7)	(11.9)	5.4	2.3	0.96
2024	2.1	6.6	1.5	(6.8)	3.4	(2.3)	(0.5)	1.6	(0.6)	(2.8)	(2.1)	0.3	0.96
2025	(3.0)	0.3	(2.8)	(9.1)	5.8	0.4	6.3	9.1	(4.1)	(4.2)	0.2	2.6	2.90
Phân B												Xác suất ghi nhận lợi suất bất thường dương theo từng tháng trong năm	
2001-2025	4.0	0.7	0.0	1.4	0.8	0.2	(1.7)	0.9	(0.8)	(2.0)	0.5	0.2	
2011-2025	3.7	1.1	(1.2)	(0.6)	0.1	(0.3)	0.5	1.5	(1.3)	(1.7)	(0.1)	0.3	
2015-2025	1.3	1.2	(2.3)	(1.3)	1.6	(0.0)	1.1	1.8	(1.5)	(2.1)	1.4	0.7	
Phân C												Lợi suất bất thường bình quân theo từng giai đoạn	
2001-2025	56	60	64	52	52	52	44	48	40	28	44	52	
2011-2025	73	67	60	40	53	53	60	53	40	33	47	47	
2015-2025	64	73	45	36	64	55	64	55	36	36	55	55	

Nguồn: KIS Research

Thứ nhất, tháng 9 và tháng 10 là hai tháng có tỷ suất sinh lợi yếu nhất trong năm trong cả ba khung thời gian. Với lợi suất bất thường bình quân âm trong tháng 9 và tháng 10, đặc biệt xác suất dương của tháng 10 chỉ đạt 28-36% - thấp nhất trong toàn bộ 12 tháng ở cả ba giai đoạn. Tính nhất quán qua các

khung thời gian khác nhau làm giảm đáng kể khả năng đây chỉ là hiện tượng ngẫu nhiên. Đáng chú ý, mức độ suy giảm của lợi nhuận vượt trội trong tháng 9-10 có xu hướng tăng lên trong các giai đoạn gần đây.

Thứ hai, tháng 11 và tháng 12 cho tín hiệu cải thiện, đặc biệt trong giai đoạn gần đây. Ở khung 2015-2025, tháng 11 có lợi suất bất thường +1.4% với xác suất dương 55%, tháng 12 là +0.7% và 55%. Qua đó cho thấy tháng 9-10 có thể là giai đoạn trũng của thị trường.

Thứ ba, tháng 1 và tháng 2 cho tỷ suất sinh lợi tốt nhất trong năm với xác suất cao nhất về sự tăng trưởng vượt trội của thị trường trong tất cả các giai đoạn được khảo sát. Đặc biệt đáng chú ý là thập kỷ qua, khi thị trường chứng kiến sự tăng trưởng dương trong tháng 1 ở 7 trên 10 năm. Nếu mở rộng phân tích này bao gồm cả tháng 2, giai đoạn kết hợp tháng 1 và tháng 2 cho thấy xác suất tăng trưởng tốt.

Vì thế, chúng tôi cho rằng thị trường trong giai đoạn tới có thể rơi vào một giai đoạn khó khăn nhưng đây có thể được xem là giai đoạn tích lũy quan trọng cho giai đoạn phục hồi sau đó bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau.

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2026 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp.